

## PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

### QUYỂN 2

(Phần Trung)

Trong phần “Tiếp, giải thích chúng thiếu tri thức”, chẳng những không tán thán lại không liệt danh, do ít người biết. Nói “Thánh cùng phạm...”, giải thích nguyên do thiếu tri thức. Phạm phu không sánh được với Thánh, cho nên nói “tuyệt giao”. Chẳng phải Thánh hoàn toàn không giao tiếp phạm mà gọi là “tuyệt”. Như dùng phạm đối với phạm giao tiếp thì mới biết, hướng chi dùng phạm hướng về thánh lý hợp tuyệt giao... Giao hảo đã tuyệt dứt thì đâu dùng thức mà nói nhiều ít ư! “Đặc biệt vì...”, nghĩa là nay Thánh vì dẫn phạm mà thị hiện giống như họ, cơ duyên không đồng thì tùy loại dẫn dắt, cho nên hiện tích “làm thiếu tri thức” để tiếp dẫn “người ẩn đức”. Không dùng năng tri năng thức của phạm phu để phán xét sở tri sở thức địa vị cao thấp, cho nên nói “không thể vì Tích là đa thiếu mà mất Bản kia”. Vì thế không thể coi hạng đa tri thức là Bản cao, coi hạng thiếu tri thức là Bản thấp. Lại, không thể coi đa tri thức là có thật bản, thiếu tri thức là không thật bản. Thế nên phải biết: đa thức thiếu thức đều là Tích, mà riêng có lý Bản. Nếu từ lâu bản thì có thật thành. Nếu muốn trong đây biện tứ Tất-đàn, thì nhiều ít sai khác, là Thế giới, tùy thuận căn cơ chúng sinh là Vị nhân, giấu danh ẩn đức là Đối trị, cao thấp chẳng so sánh là Độ nhất nghĩa. “Theo Tam tạng giáo, mười tám hữu Học...”, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển sáu nói. Theo Thông giáo mà phân biệt hai địa vị Học và Vô học, thì trước là căn cứ Nhị thừa, sau là căn cứ Bồ-tát. Lại, trước là căn cứ Tam thừa chung vị, sau là căn cứ (độc) riêng vị Bồ-tát. Căn cứ Biệt Viên cũng phân biệt hai địa vị: một là nói công dụng vô công dụng, tức là căn cứ Địa, Trụ trước sau, hai là Bất cụ, tức Đẳng giác, Diệu giác. Đầu tiên nhập Vô công dụng cũng được gọi là Vô học, chỉ là phần đặc, cho nên lại căn cứ cụ tức. “Dẫn ý kinh A-hàm”, là khai nghĩa câu thứ ba làm đầu, ngoại nhân do đó đặt câu hỏi này: Ông nói La-hán đã là vô học vì sao lại phải tùy theo Thế Tôn? “Nếu vậy...” là mượn

câu hỏi dẫn khởi, trong lời đáp tức thành câu thứ tư. Phạm nói Học, là tiến Đoạn, như Thất lai, Nhất lai, Bất hoàn đều là không còn học. Nếu trải qua quả tiến thì nghĩa thuộc câu trước, hướng chi đã đoạn để xong không còn đoạn lại, cũng phải là câu thứ tư, lại thêm song phi tức năm câu. Hai giáo Thanh văn thấy đều như đây. Bốn giáo theo lệ. Thông giáo lại căn cứ Bồ-tát: hai câu trước như trước, hai câu sau Học, Vô học là đương Địa, Trụ. Vô học học: Vô học ở Phật không thể lại học, trở lại ứng thoái chọn lục địa làm vô học, xuất Giả gọi là học. Nếu căn cứ La-hán, thì Phật cũng trụ nơi thiện pháp làm vô học học. Biệt Viên hậu vị (địa vị sau) chỉ không đặc khiến Phật lại có sở học, thì thiếu câu thứ ba, chuẩn theo thông có thể biết, đều lấy phạm vị làm câu thứ năm, thì ba giáo sau đều có hai tiết đều thành năm câu.

Trong phần “Giải thích theo Bản tích” nói “ở mãi tự học vô học” Biệt Viên hai giáo đều chọn vị tức vị (vị chưa đủ), trong đó không ngại cũng có cổ Phật, tức là tiết thứ hai: người Vô học. Lại mãi tự: Mãi thông ba giáo lược hai theo Viên. “Chúng sinh nên dùng bán tự học vô học trang nghiêm song thọ”: Đầu tiên từ bán tự dẫn nhập viên mãn, tức Lộc-uyển là thời thị hiện khô, thời Phương Đẳng thị hiện tươi tốt, bấy giờ đã là trang nghiêm Bất nhị. Bắt đầu hạnh chấp Tích mà mờ tối nơi Bản, sau đến Pháp Hoa Niết-bàn mới bắt đầu hiển thuyết, tức trong Đại kinh nêu nhân sáu người đã thấy Phật tánh đồng với Như Lai. Nhị mà bất nhị, cho nên nói “trang nghiêm”. Trong phần “Giải thích theo Quán tâm” đã lập Học, Vô học hai câu, nên lại lập hai câu: Không duyên mà duyên, gọi là Vô học học, thường quán như vậy, gọi là Học Vô học. Đối người chưa tu, thành câu thứ năm, cũng có thể căn cứ lý làm câu thứ năm, cũng là đặc tam quán đều làm năm câu, tư duy thì có thể thấy. Trong phần pháp số theo Quán tâm, nói “giới như xen lẫn mà luận thì đủ hai ngàn” tức là trăm giới, ngàn như chỉ thành một ngàn, tức mười giới trăm giới, mỗi giới có mười Như. Lại, nên dùng trăm Như ngàn giới, lại gọi là một ngàn. Lại, như tướng mười Như đầu cuối tồn tại, thì mười Như làm trăm, dụng đối mười giới há chẳng phải ngàn giới? Đây lại một phen luận số đơn kia. Nếu ngàn giới trong trăm Như, mỗi giới có mười giới, ngàn Như trong trăm giới mỗi Như có mười Như, thì sao giới, Như đều chỉ có một ngàn? Vậy thì lớp lớp vô tận không thể đếm biết, lấy gì để làm định số hai ngàn? Cho nên nói bất khả tư nghì. Các cảnh đều như vậy, lại tùy tiện nói cho nên nói “hai ngàn”. Nhân duyên “trong Căn cứ giáo” đều chỉ liệt kê số, đối nghĩa tức đủ không cần biệt câu. Cho nên, hai văn trước nêu thẳng mà thôi. Như thế muốn nghĩa lập,

nghe số để hoan hỷ, sinh thiện, phá ác, nhập chân. Các giáo dùng quán đối số giải sai khác, tức ý kia vậy.

“Nêu tích...” là bản tích, “nêu tích...” là tức tích pháp này là bản pháp. Bản tự có Tích, cho nên nói Bản tích. Không có Tích thì không có gì để hiển Bản. Tích đây tức là tích của bản gia. Không có bản thì không do đâu mà thù tích. Cho nên, Tích trong hai ngàn tích, là Tích trong hai ngàn bản, trên dưới đều như vậy thích phương, như trong phần “Đa tri thức” ở trên.

Trong phần “Liệt kê Ni chúng”, phá bỏ “cách giải thích xưa”. Nói “Lại nữa, không có văn...”: Cuối phần “Liệt kê chúng Tỳ-kheo”, có câu kết rằng: “đó là hàng tri thức của chúng” (chúng sở tri thức), cho nên nói “đa”: Trong phần nêu “chúng Học vô học” thì văn cuối không có câu kết ấy, cho nên đối với “đa” trước, thì đây được coi là “thiếu”. Ni chúng hai văn bởi vì trước không có nói “chúng sở tri thức”, cho nên sau không thể vọng gọi là “thiếu”, cho nên nói “không có văn”. “Nghĩa cũng không thể”: là chúng Tỳ-kheo thì căn cứ tán đức và không tán đức, liệt danh không liệt danh, và số đa thiếu (nhiều ít), gồm có kết không kết, để phân biệt đa thức thiếu thức. Nay trong Ni chúng chỉ nêu tên chủ hai chúng, sau hai người chỉ nói “sáu ngàn” và “cùng quyển thuộc” và đều không có câu kết của phần liệt kê. Đâu thể nói “sáu ngàn” là được người khác biết và thẳng nói “quyển thuộc” là không được người khác biết ư! Còn không liệt kê hàng giầu danh ẩn đức thì đâu được gọi là “thiếu”?!

“Đại tiểu”: Xưa gọi “đại tiểu danh văn...” đã như trước phá. “Da- du”, đây dịch là “Danh văn”, đâu được từ chối, coi là không có danh văn. Hai Ni đều thiếu giải thích theo giáo, chuẩn theo lệ hợp thì có, cũng nên căn cứ Tăng có đủ bốn giáo năm vị.

Hỏi: Tên Đại Ái Đạo vì sao dùng “trí độ” để giải thích Bản ư? Lại, chẳng phải Phật mẫu, vì sao dẫn Phật mẫu để giải thích?

Đáp: Do có trí nên mới năng “ái đạo”, đã ái đại đạo thì trí độ cũng đại, huống chi phàm là người nữ thường năng sinh con, cho nên nhờ Tịnh danh pháp môn, coi như mẹ, khiến sinh thầy dẫn dắt tâm mình, coi như “con”.

“Giải thích số”: không căn cứ giáo, đại ý như trước.

Giải thích số “theo Quán tâm” thì lấy sáu căn làm sáu ngàn, chỉ nhờ văn trong phẩm Pháp Sư Công Đức, nay đây đều là nghĩa thông trước sau. Hoặc là các vị thuộc Ni chúng đều là hạng Thánh vị lục căn, đã đối ba chu được thọ ký, tức chánh dùng Hoa Nghiêm mười loại lục

căn. “Tiêu biểu Bản pháp môn” là bao gồm nghĩa Bản Tích. Trong phần giải thích “Da-du”: lấy con nêu mẹ, phàm lấy con nêu cha mẹ hoặc lấy cha mẹ nêu con, đều có đức nghiệp được người khác biết, tức có thể dùng tướng hiển bày, Tỳ-kheo đều như vậy. Hoặc nói “không phiên dịch”, chẳng phải riêng Da-du, hết thấy từ ngữ chưa phiên dịch phần nhiều đầy đủ có dịch và không dịch, ví như Tu-đa-la v.v... “Phật thê”: là trong quả nói nhân, bởi vì khi xuất gia đã bỏ Da-du cho nên khi có hiệu là “Phật”, thì không còn có thê (vợ). Quán giải tiêu biểu ba phu nhân: Lộc-dã bất sinh, nên tiêu biểu Không. Da-du có sinh, nên tiêu biểu Giả. Lại ở trong tam quán, Cù-di địa vị Đại là tiêu biểu Trung. “Thượng đương phần” trở xuống là hợp “nêu Bản tích Quán tâm”, trong đó phần đầu nêu rõ “Lai ý” tiếp theo là “Chánh giải thích” Phần đầu lại có hai: Đầu tổng, sau biệt. Hai câu đầu tổng nêu, hai chữ “đương phần” đều bỏ tiếng gọi. Sở dĩ cùng nêu “Bản tích Quán tâm” là vì nhân duyên không thể hợp giải thích. Căn cứ giáo lý thì nên xen lẫn thông, nay muốn chủ bạn cùng luận, cho nên Bản tích Quán tâm thì tiện. Nhưng Bồ-tát tạp chúng đều có Bản tích Quán tâm không cùng nêu vì hình phục sơ, vì vô thủy chung, vì chẳng phải chúng sinh trọng, vì chẳng phải Kinh muốn riêng làm. Lại nhân duyên, giáo tướng không phân biệt rõ, tức là từ Bản thù tích chỉ là cảm ứng. Cảm ứng không vượt qua giáo tướng, cho nên chỉ Bản tích tự nhiếp hai thứ còn lại. Nếu như vậy, thì văn trên đã có thứ này đâu cần nêu lần nữa? Đáp : Do hóa duyên không đồng, chớ chẳng phải không lợi ích chúng sinh, nhân duyên tương quan phải cùng thiết lập tích. Hoặc một người liên quan đến nhiều người, nhiều người liên quan đến một người. Hoặc một người liên quan đến một người, nhiều người liên quan đến nhiều người. Hoặc khiến thủy chung, thân sơ, chủ bạn, hiển mật, cùng thành nhất hóa. Lại, các thánh quán hạnh năng quán sở quán, một sát-na chứa cả một kỳ hạn, sự lý, quyền thật, nhân pháp, chủ bạn, ẩn hiển, thiện ác, đều do tâm này quán nhiếp. Vì vậy cho nên phải căn cứ tâm vương tâm sở để nêu rõ.

Tiếp “hiển thiện Quyền” trở xuống, là biệt thuật “Lai ý”: Câu đầu nêu Bản tích Lai ý, câu tiếp nêu Quán tâm Lai ý. Nhất trong Quyền nên gọi là “thiện” (khéo léo). Không có một bậc Thánh giả nào mà không thuận theo cơ duyên, cho nên gọi là “khúc xảo”. Không có một tâm sở nào mà không thành diệu quán cho nên nói “tinh vi”. Tùy căn cơ nên dẫn dắt quanh mà tiến nên “xảo”, không lẫn lộn nên chuyên “tinh”, lý cùng tột gọi là “vi”. Từ “Luận về Thủ Lăng-nghiêm” trở xuống: trước tổng giải thích Bản tích chia làm ba phần: Đầu, trình bày thù tích tổng

luận đạo lợi vật, tiếp “Nay lại...” là nêu chủ bạn đồng lòng hóa phương, sau, “Do đây...” là tổng kết công Tam-muội. Đầu văn nêu Bản tích sở y, Bản địa sở y, Thủ Lăng-nghiêm bản, thị hiện tích. “Xưng thích”: Nêu rõ ý thù tích, “chẳng cái gì không làm”: là nêu tướng thù tích. Các đại tiểu giáo nêu các La-hán chỉ đặc Tứ trí, thẳng chịu chê trách đào thải mà thôi, không nêu rõ ý hóa. Bây giờ ai nói: “Sinh ấm chưa tận, Phạm hạnh chưa lập, việc làm chưa xong, vẫn có biến dịch?”. Cho nên biết chỉ căn cứ giới nội để rõ tận. Nếu khai hiển rồi, thì Bản là đại quyền. Sở dĩ trước ngoài, tiếp tiểu truyền dẫn nhập Viên, cho nên chẳng phải bản Thủ Lăng-nghiêm. Không có gì để thù nơi hóa tích, cho nên nói “chẳng cái gì không làm”.

Tiếp nêu Chủ bạn hóa phương, có sáu:

1. Chủ bạn giáng thân.
2. “Nếu ba mươi hai...”: nêu tư chất mới sinh của thầy trò.
3. Sau “Nếu hoàng hoàng...”: nêu cùng lãnh thọ đạo thế gian.
4. “Nếu pháp...”: nêu năng sở sinh thực, tức chỉ Lộc uyển Tiểu thừa.
5. “Cùng phụ...”: lại thuần thực chưa thuần thực, tức chỉ Phương Đăng Bát-nhã.
6. “Tiếp nghe Pháp Hoa...” nêu chủ bạn công xong.

Phần đầu lại có hai: Đầu tiên là chủ, sau “Pháp thân...” là bạn. Phần thứ hai lại có hai: Đầu là thầy, sau “Các đại...” là trò. Phần thứ ba cũng có hai: Đầu, Sư dạy lãnh thọ đạo thế gian, sau “Các đại sĩ...” tiếp chỉ bày thọ giáo hóa tà. Phần thứ tư vẫn cũng có hai: Đầu biết sở hóa còn sinh, tiếp “Nếu sở...” là xem xét sở hóa cơ duyên thuần thực. Phần thứ năm cũng có hai: Đầu là Phương Đăng, sau là Bát-nhã. Phần thứ sáu lại có hai: Đầu chánh nêu công xong, sau “Pháp vương...” là lập lại thuật bán mẫn để hiển bày công hóa độ. Phần văn xong. Tiếp, lược giải thích.

Nói “Luận gần (cận)”: là lại xả trung gian để thuật Gia-da. “Thánh hậu”: là Thánh hoàng hậu. “Hậu” cũng là đức chánh bởi vì pháp thân bình đẳng. Cũng có cổ Phật, lại nói Bồ-tát. Chủ đã giáng thân, thì bạn cũng ở Tích. “Kim tư”: Sắc mào vàng đẹp. “Đại sĩ”: Đại luận gọi Bồ-tát là Đại sĩ, cũng gọi là Khai sĩ. “Sĩ” nghĩa là gọi chung sĩ phu phạm nhân. Do Đại khai chọn lọc, nên gọi là “đại”... Như thế gian nói “Nhân sĩ, Chí sĩ...”, cũng do Nhân... chọn lọc. Nay trong loài người phát đại tâm gọi là “đại”. “Khai” là tên khác của phát, vì dẫn chúng sinh không đồng nên các tướng có khác. “Nhà Không”: Tu-bồ-đề khi sinh trong nhà đều

trống không, tiêu biểu giải Không. “Mưa báu”: là trường hợp của ngài Phú-lâu-na, “Nhờ biện tài thông mộng”: Xá-lợi-phất. “Thái tử...”: Đầu tiên đồng sau khác. Muốn đoạt thì trước cho, nên gọi là hoàng... Cư xử rất tôn kính mà vì trước dẫn dắt. Như Kinh Nhân Quả nói: “Lúc Phật sắp giáng xuống cõi Diêm-phù này, thì có chín mươi chín ức chúng”; bỏ đại chúng đây và quên tứ thiên hạ cho nên nói “bỏ nước”, bỏ địa vị Kim luân cho nên gọi là “bỏ ngôi vua”, dạy tập định thế gian cho nên nói “học đạo”. “Các Đại sĩ... cũng dạy thọ giáo hóa tà” cho nên nói “thỉnh nghiệp”. Quá sự tu tập kia nên nói “kiêm thông”, thâu nhiếp chúng kia nên nói “tông tượng”. Như Thân-tử mười sáu âm thanh chấn động ngũ thiên, cùng Mục-liên cùng theo thầy Sa-nhiên Phạm chí, chưa trải qua tuần tháng Sa-nhiên đem hết đồ chúng giao phó. Đại pháp muốn khai mở thì trước phải khai thông thấu triệt như Kiều-trần-như... Biết sở hóa đã sinh, năng hóa cũng dự vào, “phân đình kháng lễ” (địa vị ngang nhau) như Ca-diếp... “Kháng”: Kinh Dịch nói: “Biết tiến mà không biết thoái, biết được mà không biết mất, cũng là đối”. Chưa chịu làm quan cho nên phân đình không thoái. “Tôn sùng đạo chân thật của”: đây đủ như trong “Ca-diếp duyên”. Cơ thuần thực có thể giáo hóa, cho nên nói “đễ nhiệm...” Các Đại sĩ mỗi vị đều có một năng lực chủ yếu nổi trội như: trí tuệ Thân-tử, thần thông Mục-liên, biện tài Ca-chiên-diên, Tam-muội Phú-lâu-na. “Lại độ người chưa độ”: tuy thầy trò nhận hóa mà hóa đạo chưa dứt. “Độ” gồm hai nghĩa: Nếu hoàn toàn chưa thọ hóa, thì trong Phương Đẳng lại khiến nhập Tiểu thừa. Nếu các Bồ-tát thì chỉ khiến tận vô minh. Nói “lại thuần thực người đã thuần thực”, tức là cả hai địa vị Đại Tiểu thuần thực đã chưa trọn, đúng lý nên tiến nhập. Trong giải thích “hâm mộ Đại” nói “không biết”, chỉ lời nói “không biết” này tức căn cơ Đại thừa ngầm phát. Dưới nói “cơ, tình hai thứ đòi hỏi” tức ý đây vậy. “Điều hiệp...” nghĩa là trong Bát-nhã, Thông giáo nhị thừa, cho nên trong bộ kia Thông giáo chân thật trong đầy đủ Đại tiểu gọi là “hâm” (đều), Đại đối (mang) Tiểu nên gọi là “hiệp”, vì từ đầu đến cuối thông Đại Tiểu. “Xuất nạp...” là nêu rõ lãnh nghiệp, pháp tự tha đều khiến biết, “xuất nạp” đầy đủ như trong số dưới nói. Hai chữ “xuất nạp” ở Giang-nam phần nhiều đọc khứ thanh, đều có nguyên do. Nếu người xuất nhập thì chữ “xuất” có thể từ thanh “nhập”. Người là sở vận, có thể từ thanh khứ. Chữ “nạp” Nam, Bắc hai âm nghĩa đồng, chỉ sợ lạm dụng là “nội” (nội ngoại) cho nên theo Nam âm. “Cộng” nghĩa là Thông giáo. Nếu vậy thì sao không phó tạng? Đáp: Trước đã đắc, Biệt tức biệt Viên, Thiên Viên đầy đủ như Huyền văn phân biệt. Được

thêm vì “phụng mệnh” sở thuyết gọi là “lãnh biết”. Gọi là “thuyết” vì lãnh cái không biết lãnh, cũng như trụ trong Tiểu quả gọi là “không hy vọng lấy”. Chuyển thành Thực-tô, gọi là “chưa đốn xả”, mong cực giáo ở sau nên gọi là “mặc dù”, được lãnh thêm pháp, tâm kia không sợ gọi là “thông thái”, cho nên nói “đã dần dần” (tiệm dĩ), thông xưa, thông thái chỉ tại Thực-tô.

“Tiếp, nghe Pháp Hoa...” là nêu đến thời thứ năm, đầy đủ như trong phẩm Tín Giải rộng nói. Hiện chân di thể cho nên “hội thiên tánh”, vì thiên tánh định cho nên nghĩa cha con thành. Xưa kết đại duyên gọi là “chân thể”, đắc thọ ký biệt thì nghĩa cha con thành. Định xưa ở chỗ hai vạn Phật mới có thể ký biệt. Một mình điều phục đạt Niết-bàn cho nên nói “độc diệt”, còn không có một người riêng diệt, há lưu lại nhiều người? “Pháp vương...” lại thuật ý một đời giáo hóa. “Đầu tiên dùng...” là nhờ” bán, mãn, vinh, khô “để thành hóa sự, giải thích phương tiện nói quyền xảo bên trên, đại hóa công xong nên nói “Thân-tử...” không đợi Niết-bàn cho nên nói “dứt hóa”, thực (chúc) mạng như Thích Tiêm. Như đây giải thích, mới giải thích chúng của kinh Pháp Hoa tổng biệt hai lớp tiêu thích Bản tích mà còn sợ mất ý chỉ, trực tiếp như thế một câu dịch danh mà thôi! Đâu khác chúng Thanh văn của các giáo?!

“Xướng diệt...” chính là do công xong, nên khởi nói xướng diệt. Thế nên, duyên xướng diệt chính là ở kinh điển này. “Hai vạn Đấng Minh...” là căn cứ Văn-thù đáp vấn dẫn sở kiến xưa, đều không có hậu giáo, phải biết tức ở Pháp Hoa là xong hóa độ. Nếu thấy ở phương Đông thì đủ thấy Pháp Hoa Niết-bàn, chính là dẫn đồng Phật nay. Nếu Ca-diếp xuất thế cõi kia thì như lý tịnh đồng với kiến xưa, tuy Niết-bàn có không không đồng, đều ở kinh này hiển thật. “Vì học...” : “Nam” như Bảo Tích, Thiện Đức..., “nữ” như Nguyệt Thượng, Vô Cấu Thí... “Đạo” là hai chúng xuất gia, “tục” tức hai chúng tại gia. Cả bốn chúng “Phát khởi... thấy đều có, cho đến người hiền lương, nghèo giàu, thân sơ, cung mạn, sân hỷ, phạm Thánh, tướng kia chẳng phải một, cho nên nói “v.v...”.

Tiếp, “Tổng nêu quán”: Là tổng biệt ý chỉ đại theo như trước nói, dùng hai mươi tâm sở cùng phụ giúp tâm vương mà duyên cảnh thiện, như đầu khởi quán không lìa Tâm vương tâm sở. Thông số cũng thông, thông đến tâm sở thiện, do đại thiện này trải qua duyên đối cảnh, thiện kia chuyển sâu như đến kinh này, cho nên tâm sở thiện đây không phân biệt tâm thể. Trở lại chỉ chuyển tâm sở ác kia mà sinh, cho nên từ ngoại

nhập tiểu, từ tiểu nhập đại, từ thủy quy về chung, mới gọi là thiện cực. Thiện hạnh tuy nhiều nhưng không ngoài mười thứ này, cho nên nói “mười tâm làm gốc”. Chuyển đã tốt cùng rồi, lại giống như tâm vương không thiện không ác. Như các đệ tử được thọ ký rồi, phần đồng pháp vương, cho nên nói “lập”. Lại, tiệm chuyển: như các Thanh văn. Nếu đốn chuyển: thì như đốn Bồ-tát, đều là thật tướng, khiến vua trở thành “cứu cánh Pháp vương”, con trở thành “Pháp vương chân tử”, đều có khả năng Bồ xứ chuyển hóa dư sinh. Vì vậy cho nên ở trong đó, trước chọn thiện tâm, nhưng nay liệt ra đều căn cứ cự địch. Tân dịch nói: Tín và không phóng dật, khinh an, xả, tầm quý, hai căn và bất hại, cần chỉ khắp các thiện tâm. Ba câu đầu và một chữ, là nêu, bốn chữ sau là kết. Nếu muốn đối cự danh mà lược biện đồng và khác, thì tân nói” tín “nghĩa là đối Tam bảo nhẫn chịu, cho nên cùng cự danh nghĩa đều đồng. Tân dịch “Không phóng dật”: nghĩa là tu các thiện chuyên chú làm tánh, thì cự gọi là “niệm”, niệm nghĩa là ức trì, danh khác nghĩa đồng. Tân dịch “Khinh an”: nghĩa là khinh lợi, an thích, kham nhậm làm tánh, thì cự gọi là “hỷ”, hỷ duyệt an khoái, cũng danh khác nghĩa đồng. Tân gọi là “xả”, nghĩa là lia trầm, trạo, cùng cự danh nghĩa đều đồng. Tân nói “tầm quý”, cự nói “ỷ giác”, danh nghĩa đều khác. Tân nói “hai căn” là không tham không sân, cự nói “định tuệ” danh nghĩa cũng khác mà đạo lý đại đồng, bởi vì không có hai tham sân này, thì định tuệ mới thành. Định tuệ cũng có sâu cạn không đồng, “hai căn” chẳng phải không có hơn kém. Tân nói “bất hại” nghĩa là không tổn não làm tánh, thì cự nói là “giới”, danh khác nghĩa đồng. Tân gọi là “cần”, cự gọi là “tiến”, danh nghĩa đại đồng. Danh nghĩa kia hoàn toàn không đồng, là do người dịch ý riêng biệt không hòa hợp. Nay đây quý ở chỗ từ danh nhập quán, cho nên tâm vương thiện, tâm sở thiện cùng chỉ đạo các ác, để thành diệu thiện. Thế nên, thông tâm sở giúp tâm vương cũng như vậy. Dùng tâm sở đối người, thì tùy hạnh tướng kia cũng có thể hiểu. Mười người đã vậy, lấy “mười” để hướng về số nhiều, cho đến vô số không ra ngoài tâm sở, đâu chỉ một vạn hai ngàn, cho đến “chưa thọ hóa” đến, thuộc về tâm sở ác cũng thu hết, đâu chỉ thiện và thông ư!

“Mười người đều đầy đủ...”: là nương Bản tích để nêu Quán tâm. Bản, chính là Pháp vương. Tích là chỉ bày thiện thông tâm sở, do thị hiện nhập đạo không đồng. Nói “ Trong mỗi một tâm đều có tâm vương tâm sở “: Vì cho rằng hai tâm đó không đồng. Nay nói “tương phù”, tức là đồng thời, cũng lại nên nói “thứ đệ tương sinh”. Chẳng những đồng



thời khác thời, mà còn là các tâm sở xen nhau có. “Tín” đủ các tâm sở từ “tín” đặt tên, chín thứ còn lại cũng vậy. Theo mạnh mà nói, cho nên thọ biệt danh. Mười thông tâm sở, căn cứ đây có thể biết, vì vậy lần lượt tương phù đánh phá ác. Nếu nhất tâm cải đổi, thì các tâm sở còn lại đều tùy theo. Nếu tương phù chuyển hết, thì đồng nhập cảnh thật, không gì không phải chân thật, vương mà chẳng phải vương chẳng phải sở. Cho nên, biết tùy người mà thiên về mạnh thế nào, mạnh là quán cảnh, yếu là theo đi. Khéo đạt ý này thì bốn oai nghi, ba nghiệp tu quán có nơi nương gá, huống lại năng quán phải biện rõ khác, đồng.

Nói “cùng công phá”: là thông tâm thiện tâm tức năng công phá. Nói “bất hành...”: là chỉ các ác còn lại... Năng công phá thuộc trí, cho nên nói “hành Bát-nhã”. “Đẫn kinh Phổ Hiền Quán”: Năng sở đều tận, cho nên tâm vô tâm, pháp không trụ pháp. Chấp có năng quán, gọi là ngã tâm. Có ngã tâm thì năng sở không mất. Ngã sở nếu không, thì tội phước vô chủ. “Vô tâm vô sở, gọi là chánh quán “cho nên nói” nếu bất tận thì quán không xong”. Thế nên đến Diệu giác mới gọi là “xong”. Cái gọi là “tận”: Nhân là tâm sở tận, thì quả là tâm vô tận. Cũng như năm ấm nhân quả, danh đồng mà thể kia vĩnh viễn sai khác. Thông dẫn ý kinh nói: “Chúng sinh chưa độ...”: là mượn sự chứng lý: nếu sở quán, tức chúng sinh tâm, mà chưa chuyển, thì năng quán, tức tâm vương tâm sở Sư đệ chưa dứt... Trong câu “tức là ý này vậy, vân vân”, thì “vân vân” là rộng nêu tướng năng quán sở quán của tâm vương tâm sở, xong và không xong, thành và không thành, tên “Chánh giác” lại thông các địa...

“Tiếp, Liệt kê chúng Bồ-tát”: Đại luận quyển thứ tư trước hỏi: Vì sao gọi là Bồ-đề tát-đỏa? Đáp: Hết thấy Phật pháp, giới, định và trí tuệ, năng làm lợi ích tất cả, gọi là “Bồ-đề”. Tâm kia không thể động, năng nhẫn thành việc đạo; không đoạn cũng không phá, đó gọi là “Tát-đỏa”. Lẽ ra căn cứ ba giáo để giải thích văn đáp này, đối với tiểu thành bốn. “Bồ-tát là thuộc bốn chúng xuất gia...”: Luận có hai câu hỏi: 1. Hỏi : trong Kinh (của) Thanh-văn nói có bốn chúng, không có chúng Bồ-tát, là vì sao? Đáp: Có hai thứ đạo: là Thanh văn và Bồ-tát. Bốn chúng là Thanh văn đạo, cho nên kinh Thanh văn không có chúng Bồ-tát. 2. Hỏi: đầy đủ như văn nay. Đáp: Thông tuy như thế, biệt thì không như vậy, đầy đủ như văn nay. Luận hỏi: Nếu vậy thì kinh Đại thừa vì sao không chỉ liệt kê riêng Bồ-tát? Ý đây hỏi là: trong Tiểu thừa giáo thì Bồ-tát chẳng phải chánh, cho nên chỉ liệt kê Thanh văn và bốn chúng, vì Bồ-tát thuộc về trong bốn chúng, trong Đại thừa giáo thì Thanh văn chẳng phải

chánh, lẽ ra chỉ liệt kê Bồ-tát, bốn chúng nhiếp ở trong Bồ-tát ư? Luận đáp: Thừa ấy rộng lớn, các thừa đều nhập. Như sông Hằng thì không thể tiếp nhận biển lớn, biển lớn thì có thể tiếp nhận sông Hằng. Ý luận đáp đúng như việc hỏi: Chỉ vì nhiếp lấy dần, khiến trở về đại, như sông Hằng vào biển lớn kia còn có phương tiện. Nếu y văn này, trước tiên biết các bộ cộng biệt có không, thì mới biết ý kinh này liệt bày chúng, chẳng quan hệ liệt kê chúng ly hợp, mà năng biện đại tiểu thiên viên. Như kinh Kim Cang thì chỉ liệt kê tiểu số, kinh Kim Quang Minh thì đại tiểu đều không có, há có thể năng phân biệt đại tiểu sai biệt ư? Cho nên biết: trước tiên dùng giáo để phán định, dùng giáo để biện người, thì cả trăm mà không sót một. “Cho nên nay...”, là nói thông ý biệt. “Nếu tồn tại đủ...”, là trước biện rõ tóm lược. “Bồ-đề...” là chánh giải thích danh, trước căn cứ thượng cầu. “Lại thành...” là căn cứ hóa tha. “Ma-ha” so trước cũng có ba nghĩa đại v.v... đây đủ có bốn giáo, đạo biết dùng ba, cho nên nói “nhiều loại”, đầy đủ như Huyền Văn... và trong Chỉ Quán. Mỗi mỗi tứ hoàng tức kia bắt đầu, nhất nhất lợi sinh tức dụng kia, nhất nhất đạo phẩm tức hạnh kia, nhất nhất pháp môn tức sở tri. Tứ hoàng nếu phân biệt bốn, ba ấy là theo kinh khác và phân biệt năm vị mới là Viên diệu Bồ-tát của kinh này. Từ “Như Thích luận...” cho đến “đề-hồ”: là căn cứ danh năm vị để biện rõ bốn giáo Bồ-tát. Luận lại nói: Phạm xưng thiện pháp đều gọi là “Tát”, thiện pháp thể tướng gọi là “Đỏa”. Cho nên biết Bồ-tát tự lợi lợi tha đều là thiện pháp và thể tướng thiện tức là tứ chủng đạo A-nậu Bồ-đề. Hết thấy Hiền thánh được xưng tán, đó là tứ chủng Bồ-đề Tát-đỏa. Lại luận nói thông luận ba thứ đều xưng Bồ-đề. Cái gọi là Tam thừa: Người Nhị thừa trước tuy xưng Bồ-đề mà chẳng phải công đức Phật, cho nên không gọi là Tát-đỏa. Phạm vì tạp huyết điều hòa thành tam kỳ bách kiếp sửa tịnh.

“Dẫn Đại Phẩm” ba văn chứng bốn vị lại dùng nghĩa Tam giáo nhiếp bốn vị, hướng chi nay năm vị đều phán xét Bồ-tát, cho nên dùng vị Lạc đối Thông, hai vị Tô đối Biệt, vị Đề-hồ đối Viên. Do các Bồ-tát trải qua bốn vị này nhập bất định, nên nghĩa đương tam quán, tức tam Tạng Bồ-tát. Khi chuyển nhập Thông giáo, nghĩa đương nơi Lạc, căn cứ thời thì đều tại Phương Đẳng về trước. Khi chuyển nhập Biệt thời tại hai vị, tức do trong hai vị đều có Bồ-tát sự bất tư nghi. “Dẫn kinh Tịnh Danh” đã nhập thật ở trong hai vị tâm xứng thoát lý, tám ngàn thọ chịu khuất phục, thị hiện làm độn căn và người Nhị thừa bị chê bai đào thải rồi mới đều nhập Biệt. Căn cứ ý Huyền Văn tức là hai vị để đối Thông Biệt. Tiến thoái, thừa thiếu đều có hai ý, cho nên nhập thật thì đều tự

lập thân như tòa tượng kia, tòa cao bốn vạn hai ngàn do tuần thì thân cũng xứng hợp. Mượn ý Bản tích để trợ giúp phần giải thích theo giáo. “Bồ-tát nghi trừ v.v...”: đều chứng bốn Bồ-tát, trong Quyền cần phải khai, cho nên đến Kinh này mới trừ ba lưới nghi của Bồ-tát mới là khéo hạnh Bồ-tát đạo. “Lại, kinh Niết-bàn...”: như thế hai kinh đồng vị, “đều dứt mong cầu” vì vậy nên dẫn đồng, nói “lược có” là nay xưa hợp chỉ. Trong phần “Giải thích theo Bản tích”, chia làm ba phần: Trước nêu Bản tích chẳng gì so sánh, tiếp “Sở dĩ...” là nêu ý thiết lập Tích, sau “Như thế Bản địa kia...” chính chỉ bày Bản phủ xóa tích. Trong phần đầu, nói “Hoặc đều là pháp vương”: như Văn-thù bản là Long Chứng Thượng Tôn Vương Phật, ngoài ra căn cứ đây có thể biết. “Tán ảnh thùy dung...” là đồng Thanh văn trước, tổng nêu Bản tích. Tiếp, trong phần ý thiết lập Tích, có pháp thí hợp. Trong thí dụ có nói “chày cối”: Hóa chủ là “chày”, phụ là “cối đá”, cho đến hỗ tương làm đều thành “khí cụ”. Xưa coi cổ chất là “thuần phác”, nay coi chưa trị là thuần phác khiến kia thành khí cụ, cho nên gọi là “khí”. “Thuần phác” không phải một, cho nên gọi là “các”. Trong phần “Giải thích theo Quán tâm “nói” Phá ngũ trụ trần lao, gọi là thành tựu chúng sinh, vân vân”, thì “vân vân” là : Ngũ trụ đối ba quán theo thứ lớp và không thứ lớp. Quán cũng như vậy, suy nghĩ có thể biết.

Trong phần “Giải thích Tám vạn người” nói “đồng mưu vân vân” thì “vân vân” là ứng hợp dụ nói: Nay khai bí tạng không liên quan đến quyền... cho nên người chứng tín đều chẳng theo như vậy. Cho nên, nay văn liệt kê không hẳn ở số nhiều, liệt kê chúng tuy như vậy mà Bản môn đặc đạo số gấp bội các kinh, tức trước đặc vô sinh tăng trưởng đạo vậy. Cho nên biết: lại là tùy theo điểm trọng yếu mà liệt bày đó thôi! Đây trong nêu số đã là nhân duyên, tuy tức không giải thích theo Giáo và theo Bản tích, mà nhân duyên người đã dự trong mưu tín bí mật, ắt là người Viên giáo và có viên Bản. “Bát chánh tức là bát vạn”: đã là vô tác đạo phẩm bát chánh, thì đều là quán trăm giới ngàn Như kia. Thập thiện đã là sở quán, bát chánh tức là năng quán, năng sở theo nhau thì đều có tám vạn .

Tiếp, trong phần nêu “địa vị” : đầu là nhân duyên, tiếp “Ứng bốn thứ...” là căn cứ giáo. Trong phần đầu, nói “Vô thượng đạo như trong diệu cảnh”, tức lục cảnh sơ tứ Bồ-đề, cảnh bao hàm chỗ hướng đến của diệu đạo. Dùng sở để hiển bày năng, cho nên phải chỉ cảnh. Nếu biện rõ Tứ Tất-đàn: Tam bất thoái sai khác là Thế giới Tất-đàn, nhập vị công đức là Vị nhân, quyết trị vô minh là Đối trị, chứng nhất phần

chân là Đệ nhất nghĩa. Dưới căn cứ đây có thể biết, không thể viết đủ. Nói đủ gọi là “A-bệ-bạt-trí”: A” là vô, “Bạt-trí” là thoát. Thời tăng kỳ kiếp thứ ba, rộng đặc tam Bất thoát, khi lìa năm chương thì ba nghĩa đều đặc tức là Tăng kỳ kiếp thứ ba thông đến một trăm kiếp, thông tam Bất thoát ấy, đến đây gọi là Thượng nhân.

Tiếp, địa vị thông giáo dẫn “lục tâm”: Thông giáo địa tiền không có vị có thể luận, mượn danh biệt vị để thông vị kia, tức chỉ Biệt giáo Thất tín trở lên, nhập Can tuệ địa. Cho nên nói Sơ địa đến Lục địa, mới gọi là Vị Bất thoát; hoặc chỉ địa tiền giả lập Thất hiền, tức lấy Nhân vị làm đệ lục tâm. Y tiểu thừa vị tuy nói Nhân vị gọi là Vị Bất thoát, mà đối với Bồ-tát thừa còn gọi là thoát. Tiếp, trong Biệt giáo “theo Địa luận sư” cho nên không phá. Viên vị: Các giáo viên vị không vượt quá Hoa Nghiêm, các văn khác tuy có nhưng nghĩa Vị không rõ ràng, mà hoặc lược nêu Sơ trụ mà thiếu các vị sau. Sơ trụ đã vậy, thì Hạnh Hưởng đâu thể khác, đâu được cùng địa tiền kia mà phục hoặc. Nhưng lại Hoa Nghiêm, sau Trụ thì gồm Biệt, hoặc tiện nhất hưởng làm thứ đệ giải, hoặc dùng nhất hưởng làm Viên đốn giải, đâu chỉ một phen sai lầm ư? Đủ ba bất thoát: Nếu trước dùng không thứ đệ nương vào thứ đệ nói, thì Thất tín gọi là Vị Bất thoát, Bát tín trở đi gọi là Hạnh bất thoát, Sơ trụ trở đi gọi là Niệm Bất thoát. Nay từ Sơ trụ đã đủ ba đức, gọi là tam Bất thoát cho nên nói là “đủ”. Bất-nhã là vị lìa hai cách chết, Giải thoát là hành các hạnh đầy đủ, Pháp thân gọi là niệm chứng thật cảnh. Kinh kia phẩm thứ bảy Hiền Thủ rộng nêu tướng ấy. Quyển đầu, Đế-thích hỏi Pháp Tuệ rằng: Sơ trụ thành tựu bao nhiêu pháp, bao nhiêu công đức tạng? Pháp Tuệ đáp: Việc này rất sâu khó tin khó biết khó nói khó giải khó thông khó phân biệt, nhưng thừa Phật lực thì có thể diễn thuyết đầy đủ. Vẫn trước so sánh lượng nói: Cúng dường đầy đủ các thứ cho chúng sinh mười phương A-tăng-kỳ trải qua ngàn kiếp lại khiến chúng Bích-chi-phật, trăm ngàn ức phần không bằng một phần kia. Lại nói muốn biết mười phương thế giới một tức nhiều, nhiều tức một, một niệm tức vô lượng niệm... Đối với trong kinh Pháp Hoa, bố thí bốn trăm vạn ức A-tăng-kỳ thế giới lục thú tứ sinh, cho đến khiến họ đắc Vô học, cũng không bằng người sơ tùy hỷ. Kinh kia vẫn dễ, vì đó là Thánh vị cho nên nói “mười phương...”. Đối với Kinh này, thì người thứ năm mươi nhất niệm công đức mới hiển Viên vị bất khả tư nghì, kinh đây là khó. Vì đều là Viên từ đầu đến cuối không hai, cũng đâu có kia đây. “Còn chẳng phải Sơ trụ”, tức là các Bồ-tát đây đều là Nhất sinh Bồ xứ, còn là cổ Phật hướng chi Sơ trụ. Từ tân dịch đến nay, chỉ dùng vị Du-già Duy

Thức, che lấp thuyết Viên thường của Hoa Nghiêm, ai biết Duy thức...? Văn chỉ nêu Biệt vị, đời sau ai khẳng định thấy đây đồng khác. Lại nữa, có người hoàn toàn hủy tông Quyền Duy Thức luận, đây thì hoàn toàn mê nơi đường phương tiện. Không biết Tích, tích thì ở đầu các kinh, cho đến đầu kinh Pháp Hoa. Kiểm nghiệm thì biết có thể là người ở địa vị nông cạn ư? Đã mất Bản lý, mê mờ ở tích, hướng chi từ bộ phận phê phán sự vi diệu của bậc đứng đầu được người tôn quý. Các Sư đã không hiểu năm thời, đâu biết Bồ-tát bản tích. Cho nên, nói “sở tán đã lầm...”, dùng Tán tán thán Thông cũng đã thành lỗi, dùng Thiên tán Viên thì lỗi chẳng gì lớn bằng, lại thành tăng giảm hai biên cùng hủy báng, chỉ đây một phen lầm nghĩa dẫn đến hai lỗi. Kinh không có tam giáo thì khổ muốn tăng, đim Viên xuống thành Thiên thì là giảm, sao lại lầm như thế? “Tam quán tức tam bất thoái”: quán Không tức Vị bất thoái, quán Giả tức Hạnh bất thoái, quán Trung tức Niệm bất thoái. “Nhất tâm”: lại căn cứ diệu tam, nhất quán đều đầy đủ. Trong câu “tức nhất tâm tam bất thoái, vân vân”, thì “vân vân” là thuận theo giải thích tương theo thứ lớp và không thứ lớp, và do nhất niệm phải căn cứ Lục tức. “Cực hữu mi nhãn”: vợi vãi mà đoạt tuy có mi nhãn nhưng đại thể hoàn toàn không có. Từ “Xem xét luận” trở xuống, là đoạt. “Không có thú hưởng”: Những hiện đức này giáo nào không có, tuy nói pháp báo nhưng không chọn lựa Viên Biệt, hoặc như phân Viên Biệt là đầu hay cuối, cho đến các câu là dọc hay ngang, cho nên tổng phá nói “không có tông thể”. Nếu có tông thể thì vì người chứng vị y kinh lập vị. Sở y của vị, gọi là vị bản, bản tức là thể, vị tức là tông, hướng chi kinh này đặc biệt xuất sinh trên các giáo các vị. “Căn cứ giáo tán thán đức”, ý thì có thể biết. Cho nên bắt đầu từ Bất thoái đến cuối Độ sinh, thì trước định thể tông rồi mới có thể tán thán đức.

Hỏi: Kinh này vì sao theo chiều dọc tán thán vị Thập địa của Biệt giáo ư?

Đáp: 1. Ký gửi bản. 2. Chứng đồng. 3. Thuận luận. “Thế nào là Thất địa...” Người xưa phê phán nói: Thất địa e rằng khởi tâm Nhị thừa, đây tự Thông vị, vì vậy cho nên vấn nạn kia không thành nghĩa theo Biệt giáo. Vấn nạn Viên cũng vậy. Nếu nói Thất địa mới nhập vô công dụng đạo, thì đây là Biệt giáo giáo đạo để rõ nghĩa, cho nên không thành Viên.

Nói “Tiến thoái...” là bài xích tiến không thành Viên, thoái chẳng phải Thông Biệt. Nay vẫn tán thán ngang dọc. Trong phần dọc tán thán: “tùy tình ý”, bản tại Viên. Trước chánh giải thích, tiếp đến chọn lọc.

Song trong phần đọc trước, thì văn đầu tiên mượn danh ly nhị, phải khác với nhị ở kinh Anh Lạc vì là phương tiện. Trở lại y nhất niệm đầy đủ tam bất thoái, để làm Sơ địa. Viên lìa tam cấu viên phát tam trí, viên minh viên chuyển nhất niệm cúng dường, viên gieo trồng đức bản vì Phật viên tán thán. Đầy đủ viên tam từ bất nhị Phật tuệ... căn cứ đây có thể biết. Nếu không khai Đăng giác thì bốn câu đồng tán thán Thập địa. Nay theo khai thuyết, cho nên ba câu sau tán thán Đăng giác. Văn nói hai câu: là câu thứ mười một và câu thứ mười hai là nội ngoại đức của Thập địa đó thôi. Chỉ không từ Sơ địa tức đủ, cho nên tự Biệt. Tiếp, trong phần ngang tán thán : câu đầu cũng nói vượt qua nhị biên, dọc còn đều Viên, hướng chi đây ngang tán thán lìa nhị biên ư! Chỉ căn cứ phi dọc mà dọc như trước nói. Vượt qua nhị biên: Thô hoặc trước bỏ, lại từ thù thắng mà nói, từ Trung mà đặt tên. Các câu dưới căn cứ đây có thể biết.

“Chữ A...”: đây Sư dùng theo..., đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. Đến phần Vấn đáp: trong câu hỏi đầu tiên, câu đầu lập tông, “Tam tạng...” ví dụ cho, “Thanh văn...” lập ước lệ, “Tích là...” lập nạn vấn. Lập tông ý: là đoạn hoặc. Địa Trụ trở lên đều căn cứ vị đoạn theo Viên giáo mà tán thán đức, Tam tạng Bồ-tát từ đầu đến cuối không đoạn, sao không tán thán kia? Ở trong đoạn hoặc còn tán thán Nhị thừa, tích làm Thông Biệt đoạn hoặc Bồ-tát thì đâu được không tán thán? Mà ngang dọc hai phần tán thán đều chỉ tán thán Viên? Đáp ý: Nghĩa thông Bản tích, ý chỉ ở Viên. Văn dọc tự như tán thán Biệt, mà dựa vào bộ thì chỉ tán thán Viên, mượn tích hiểu văn kinh, ý theo Bản. Cho nên chuẩn tán thán Thanh văn từ tích, cũng nên Bồ-tát bốn giáo đều tán thán, chỉ muốn biết ý chỉ của Viên cho nên quên Tích để còn Bản và bỏ đầu để chọn cuối. Tiếp, hỏi có thể thấy? Trong phần đáp, chia làm ba: Một: chánh đáp. Hai: “Xưa nói...” là dẫn Biệt vị làm ước lệ, địa vị Bát địa đã chưa cùng cực. Xưa giải thích còn đủ đức không nghi, đâu ngăn ngại các vị của người Viên giáo, mỗi vị đều đủ các đức. Ba : “Pháp Hoa luận...” là dẫn chứng. Luận nói: đức của Bồ-tát kia có mười ba câu, hai văn nhiếp lấy, nên biết: 1. Thượng chi hạ chi môn. 2. Nhiếp thủ sự môn. Thượng chi hạ chi, nghĩa là tổng tướng biệt tướng, nên biết từ đầu tiên đến Bất thoái chuyển là tổng, còn lại là biệt. Luận kia nói: Bất thoái có mười loại thị hiện, đầy đủ như nay dẫn, chỉ trừ câu đầu tổng còn có mười hai câu, chính là dùng hai câu: cúng dường và gieo trồng đức hợp làm loại thị hiện thứ tư. Danh xưng và độ sinh, hai câu hợp làm loại thị hiện thứ mười, cho nên chỉ thành mười loại thị hiện, đều dùng Bất thoái

đặt tên. Cho nên biết Viên giải thích câu câu thông suốt lẫn nhau, mỗi một loại thị hiện đều có đủ mười loại thị hiện, đầy đủ tất cả các câu, đâu chỉ mười loại thị hiện, mười hai câu ư! Đây đồng với ý của bốn mươi hai tự môn.

Lại nữa Kinh nói: “Dùng Từ tu thân” trong câu đó luận nói đầy đủ tu hai nghiệp thân tâm. Kinh văn sở dĩ lược tu tâm bởi vì Từ tức là tâm, tâm huân nơi thân cho nên không nói riêng. Cho đến nương vào “ngã không, pháp không” bất thoái, cho nên biết Địa, Trụ đều chứng Nhị không. Sở dĩ trong giải thích theo chiều dọc, văn tuy đối biệt mà ý chẳng biệt là vì : 1. Do có thứ tự văn dọc giải thích là căn cứ dọc mà luận ngang. 2. Ý luận nghĩa của mỗi một câu, ý dùng đối các Địa. Như Sơ địa nói không rơi vào nhị biên, tam quán đầy đủ tự lợi lợi tha, có không, song chiếu, hoặc phước hoặc trí không lìa nhất tâm; nội nhân ngoại duyên đâu từng không đủ? Sơ địa đã vậy, các địa sau hẳn đều như vậy. Tức trong Địa này ngang dọc đầy đủ, vì đối Quyền thứ lớp nên mượn tên “Địa”, vì hiển bày Viên kia nên phải ngang giải thích. Cho nên trong luận, “Nhiếp thủ sự môn” tức đương dọc giải thích. Vì vậy văn đây dùng đủ cả hai môn trong luận để giải thích, chỉ trong văn đây căn cứ luận. Trong câu “hà đẳng cảnh giới hà đẳng ưng tác sở tác cố” thì dư thừa hai chữ “hà đẳng” đứng trước ưng tác. Luận chỉ nói: “hà đẳng cảnh giới trung ưng tác sở tác cố” dịch tiếng Việt nghĩa là: “Trong những cảnh giới như thế, những điều nên làm thì đã làm”. Luận tự giải thích rằng: “Địa thanh tịnh”: là Bát địa đến Thập địa, ba địa này vô tướng hành tịch tĩnh thanh tịnh. Nay ý văn dùng ba lần “Hà đẳng” (dịch tiếng Việt nghĩa là “Như thế”) mỗi mỗi đều thuộc “các địa”. “Thanh tịnh” tức đoạn được lậu hoặc thuộc các địa. “Phương tiện” tức tiến thú thuộc các địa. “Cảnh giới” tức sở y thuộc các địa. “Nên làm v.v...” tức công dụng các địa. Luận nói: “Phương tiện” có bốn loại: 1. Phương tiện nhiếp thủ Diệt pháp, nhập trì diệt pháp dùng sức nhạo thuyết vì người mà nói, tức bốn câu đầu, tùy nghĩa mà tư duy. 2. Phương tiện nhiếp thủ thiện tri thức: Do nương vào thiện tri thức mà làm việc nên làm, tức câu thứ năm, sáu, bảy, tám tùy câu mà tư duy. 3. Phương tiện nhiếp thủ chúng sinh: Do không bỏ chúng sinh tức một câu thứ chín. 4. Phương tiện nhiếp thủ trí: Do giáo hóa chúng sinh khiến nhập trí kia, tức bốn câu sau, vì các câu đều đối.

Lại nói về “Hà đẳng”: “Hà đẳng” (Như thế) là từ ngữ dùng để biện biệt, nay cũng thông lẫn nhau, mỗi mỗi phương tiện thông căn cứ Thập địa, thuận các kinh luận và trong kinh Anh Lạc. Sơ địa trở

lên nhập dòng pháp chảy, niệm niệm hưởng đến nên nhập chứng đạo. Trong luận lại có nhiếp thủ sự, thị hiện các cảnh địa... đối kinh chẳng quan trọng, nên không thuật lại. Nói “Bát địa”: Tuy không đồng với kinh Anh Lạc, nhưng các kinh chẳng phải không có, lại là trong Biệt thì giáo đạo khác nghĩa, bỏ hay chọn đều được. Nay lại y kinh Anh Lạc, đối luận đã chẳng trái với Đại, lại y cứ vào nhất gia mà nhận dùng. Nói “Cảnh giới như thế?": là nơi lợi vật.

Tiếp, trong phần “Giải thích Thán đức theo Quán tâm”: Trong đây văn trước trình bày cổ phá cựu, nghĩa đương là Nhân duyên, nay văn hai cách giải thích nghĩa đương là theo Giáo, theo Quán tâm, tuy thiếu theo Bản tích, nhưng đức tùy nơi người, cho nên không nêu lại. Tam quán không khác, tùy sự gọi là khác. Nếu vậy thì cũng là các câu triển chuyển xen lẫn đầy đủ. Do đặc Bất thoái nhất tâm tam quán, mới đặc cho đến Độ sinh nhất tâm tam quán, cho đến do Đặc độ sinh nhất tâm tam quán, cho nên mới đặc cho đến Bất thoái chuyển nhất tâm tam quán, các câu trung gian thì chuẩn theo đây có thể biết. Nên biết trăm câu chỉ là một câu, cho nên Sơ trụ trở đi thì vị vị viên dung, câu biệt nghĩa đồng không cần giải thích quanh co. Trong Tiểu thừa, Phật vì Thân-tử khai đầu mỗi một câu nghĩa, mà Thân-tử còn nói vô cùng tận, huống chi đây là đức của Viên giáo Bồ-tát mà muốn phân chia rộng khiến làm khuôn định ư! Huống lại quán môn tức là đức kia, quán thông đức diệu đâu đáng nghi ư! Cho nên, cần phải căn cứ các câu để nói một cách tự tại.

Có người hỏi: Vì sao trong đây nói Văn-thù ở đầu?

Đáp: Trong phẩm Tựa, Văn-thù đã có thể giải quyết chỗ nghi của Di-lặc, chính là người phát khởi của một kinh nên nêu ở đầu, huống chi hai vạn Phật đều làm cho chúng bắt đầu nghi. Vì vậy liệt kê Văn-thù ở đầu tám vạn đại Bồ-tát.

“Pháp môn...”: Y cứ vào danh nghĩa này, theo lệ lẽ ra làm bốn giải thích, mà nay thiếu, tức là một. Theo lệ thường có thể biết. Lại, Bồ-tát sự tích thì hoặc ẩn hoặc hiển, hoặc chân hoặc tục, hoặc chủ hoặc bạn, không đồng Thanh văn sự tích hiển rõ. Tuy chẳng hiển rõ mà ắt đầy đủ các giáo, nhưng nay khai hiển nghĩa ắt ở Viên. Huống lại như trước căn cứ các Thanh văn tổng biệt rộng giải thích. Nhân đã đủ biết Bản tích của Bồ-tát, bản tích đã vậy nhân duyên giáo quán chuẩn theo loại có thể biết, cho nên không dựa theo thuật nói Bồ-tát tổng biệt. Nay đầu tiên, “Giải thích Văn-thù “đẫn năm văn: Ba văn đầu biện rõ danh, kinh Tư Ích nêu thuyết làm rõ hạnh: Bi Hoa luận nguyện lợi vật. Đầu tiên



Đại kinh là từ đức lập danh, tức dùng Kiến tánh lập danh “Diệu đức”. Đây căn cứ quyển mười bảy, phát nguyện văn sau khi A-xà vương hối lỗi. Tiếp hai kinh chỉ nêu Phạm âm không đồng. Kinh Tư Ích nêu rõ như thuyết mà quán, quán nghĩa là không khởi tưởng pháp phi pháp, quán tức hạnh, tức ngôn hạnh tương xứng mà được gọi là “Diệu”. Bi Hoa nhân dùng cõi diệu, ích vật sự rộng, sở hóa địa vị cao. Nguyện hạnh cao rộng, hết thấy đều diệu, gọi là “Diệu đức”. Bồ-tát lợi sinh thì tích do đâu mà quyết định? Đối trong văn này, theo nghĩa cũng có thể lập từ Tất-đàn để giải thích, tức dùng “Diệu đức”, hoặc danh hoặc thể đều là từ Tất. Chấp cõi tức Thế giới, thuyết pháp tức Vị nhân, lập hạnh tức Đối trị, Phật thọ ký... tức Đệ nhất nghĩa. Đây là người Viên giáo lại phải căn cứ giáo. Từ “Phương Bắc...” trở xuống tức giải thích theo Bản tích. Lại, như Kinh Lăng-nghiêm nói: Quá khứ vô lượng A-tăng-tỳ kiếp có Đức Phật hiệu là Long Chung Thượng Tôn Vương, cũng là Văn-thù.

Trong phần “Giải thích Bồ-tát Quán Thế Âm”, tác từ Tất-đàn: Danh tức Thế giới, Tư Ích tức Vị nhân, xưng danh tức Đối trị, Bảo Tạng Phật... tức Đệ nhất nghĩa. Lại, “kinh Tư ích nói: Kiến... thì đắc Bồ-đề”, cũng là Đệ nhất nghĩa. Văn dưới chỉ phẩm Phổ Môn.

Trong câu “Văn dưới đây là tự thích danh vân vân”, thì “vân vân” là: thiếu căn cứ giáo và dùng Bản tích giáo tức là người Viên giáo vốn là Cổ Phật. Trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, giải thích hai chữ đầu, cùng dưới không sai khác chỉ chữ thứ ba cùng dưới có chút sai khác. Dưới căn cứ sự mà giải thích, dùng “sở bị” (nghe) làm “âm”. Đây căn cứ năng quán, dùng “sở tuyên” làm “âm”. Do quán nên thiết lập giáo, cho nên nói : quán là Bản của ngữ.

Tiếp, “Giải thích Đại Thế Chí” : kinh Tư Ích căn cứ hạnh, kinh Bi Hoa căn cứ nguyện, Tư Ích căn cứ oai thế giải thích “Thế”, chánh đương nghĩa chữ. “Thủ đại thiên”: Dùng “thế giới” để giải thích “Thế”, thế lực chiếm lấy thế giới không trái với “Chí” kia. Do có chí lớn, nên được Phật thọ ký. Chí chiếm lấy thế giới, nên cũng gọi là “Thế Chí”. Nếu tác từ Tất-đàn: Tư Ích là Thế giới, Bi Hoa là Vị nhân Đối trị, Bảo Tạng Phật... là Đệ nhất nghĩa. Cũng thiếu phần giải thích theo Giáo theo Bản, theo lệ trước mà nghĩ sau thì có thể biết. Văn thiếu Thường Tinh Tấn, như trong Kinh Đại Bảo Tích nói: “Bồ-tát vì một chúng sinh trải qua vô lượng kiếp đi theo không bỏ cũng không thọ hóa không có một niệm xả bỏ, vì thân tâm đều tinh tấn”. Nghĩa thông từ Tất-đàn, giải thích theo Giáo, Bản tích, Quán tâm, đều căn cứ theo lệ trước thì có thể biết.

“Bất Hưu Tức”: Cùng Thường Tinh Tấn nghĩa ý lược đồng. Muốn

biện biệt, thì vô gián thú nhập gọi là “Tĩnh Tấn”, thời gian dài không phế bỏ gọi là “Bất Hưu Tức”, vì vậy nên giải thích theo Quán tâm thì gọi là “Bất trụ”, cho nên giải thích Bất Hưu Tức cũng căn cứ thời gian dài, chỉ có Thọ ký và Lợi sinh thì không đồng. Giáo tích căn cứ theo lệ có thể biết.

“Giải thích Bảo Chưởng”: Trước giải thích “Chưởng”, tiếp “khiến giải thích...” là giải thích “Bảo”. Chưởng là phần của thân, đã mặc áo giáp lên phần thân kiên cố, do tay kia nắm chắc phần pháp thân còn xuất ra vô thượng báu xuất thế, hướng chi báu thế gian, cho nên hai báu này ắt đầy đủ tứ Tất-đàn. Trong đó nói “không chí hướng nhị thừa” là chọn nhiều pháp bảo. “Thông tuệ tâm”: Từ thật khởi thông, thông một tuệ tánh cho nên nói “thông tuệ”. Căn cứ giáo Bản tích...

“Giải thích Dược Vương”: Duyên thứ ba từ nghĩa của Y vương ở sau, hẳn phải là “Dược” (thuốc). Hai duyên trước mặc dù riêng biệt mà tức là sau khi Phật diệt độ đều lập hạnh sinh thiện. “Hỏa Tịnh”: Từ thiêu thân mà đặt tên. Trong văn lại dùng thế trị để tiêu biểu xuất thế trị...

Thiếu bảy Bồ-tát chưa giải thích qua.

“Giải thích Bát-đà-bà-la”: Câu đầu là Thế giới Tất-đàn, tiếp “Tư Ích...” là Đệ nhất nghĩa, tên Bồ-tát này ở trong kinh Bát Chu, cũng gọi là Hiền Hộ, Thiện tức Hiền. Thiện xảo muốn hộ khiến kia không thoái lui. “Giải thích Di-lặc”: Câu đầu là Thế giới, “Tư Ích...” là Vị nhân, “Hiền Ngu...” là Đối trị, “Bi Hoa...” là Đệ nhất nghĩa. “Lại nói” trở đi là nên hợp ở trong nhân duyên. “Hiền Ngu...”: Kinh kia quyển chín đức Phật ở Ca-lan-đà, A-nan bỗng nhiên tư duy: “Di-lặc Thế Tôn thuở trước tại sao phát tâm từ bi này?”, được gọi là diệu ích, từ thiện định khởi mà bạch Phật! Phật dạy: Quá khứ lâu xa ở cõi Diêm-phù này có một đại vương tên Ma-ha Ba-la-bà, làm chủ năm trăm nước nhỏ, một hôm cùng quần thần đi săn, voi nhà vua cỡi, dục tâm xí thành, nhân thấy người quần tượng điều khiển voi, mà liền phát tâm nay làm Bồ xứ. Lại kinh cũng có nói duyên cứu giúp thỏ què qua sông, mà lập danh xưng “Từ”, vì bản nguyện lực huân tập thấy khổ thì sinh “Từ”. Trước trong kinh Bi Hoa chính dùng nghĩa “cứu khổ” mà giải thích “ban vui”, cho nên Viên cứu khổ ban vui, cho mà không có cái thể Biệt vân vân. “Vân vân” là căn cứ Giáo, Bản tích Quán tâm, cho đến Tích môn phát khởi chúng đẳng...

“Giải thích Bồ-tát Đạo Sư”: văn xả tứ Tất-đàn: Đạo Sư là xả, người nước Bà-đề, là bạch y cư sĩ. “Khiến nhập chánh đạo” là giải thích

---

chữ “Đạo”, “không cầu ân báo” là giải thích đức “Sư”. Do không để lòng vào việc gì nên mới ứng địa vị Sư. Đây đủ danh bên ngoài, chỉ liệt kê số tức là nhân duyên, quán... đầy đủ như ý trước. Chỉ vì tên các vị Bồ-tát không thể nêu hết cho nên chỉ nêu số lớn. Tóm lại, chỉ do nước người phần nhiều là tri thức nên trước liệt nêu, chứng tín vì dễ. Trong một đời giáo hóa, các đại Bồ-tát thâm hoạch ghi nhớ duyên đời trước, phần nhiều được nêu trong kinh Bi Hoa quyển hai. Kinh nói: Có Bồ-tát tên là Tịch Ý bạch Phật rằng: Chư Phật đều có tịnh độ, Như Lai vì sao chọn cõi uế này? Phật dạy: Vì bản nguyện nên chọn, Ta trong quá khứ hằng hà sa A-tăng-kỳ kiếp ở thế giới tên San Đề Phong, kiếp tên Thiện, Luân vương tên Vô Trách Niệm làm chủ bốn thiên hạ, vua có ngàn người con. Trong nước có một vị đại thần tên là Bảo Hải Phạm chí, chỉ có một người con, có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thường có chư thiên đến cúng dường, cả nước nhân đó đặt tên là Bảo Tạng, cho nên xuất gia thành đạo cũng tên là Bảo Tạng, thuyết pháp độ người số kia vô lượng. Ngàn người con của vua mỗi vị đều cúng dường trải qua ba tháng. Quá ba tháng rồi, muốn thọ ký cho thí chủ, trước nhập Tam-muội hiện mười phương cõi Phật nhóm tập các Bồ-tát, trước hết thọ ký cho Bảo Hải, chúng sinh trong mười phương thế giới được Bảo Hải giáo hóa đồng thời đều thành Phật, tiếp thọ ký cho ngàn người con của Luân vương, thọ ký cho người con thứ nhất nói: Ông xem xét chúng sinh trong lục đạo khởi tâm đại bi đoạn các phiền não khiến trụ an lạc, nay sẽ đặt cho ông hiệu là Quan Thế Âm, sau khi đức Phật A-di-đà nhập diệt trải qua hai A-tăng-kỳ kiếp, ở phần đầu đêm à thời chánh pháp diệt, ở phần sau đêm thì cõi kia chuyển gọi là Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tự, cõi ấy có sự trang nghiêm thù thắng an lạc, chỉ trong một niệm ông liền thành chánh giác hiệu Nhất Thiết Công Đức Sơn Vương thọ chín mươi sáu ức na-do-tha trăm ngàn vạn ức kiếp. Thái tử thứ hai tên Đại Thế Chí (như sơ...). Vị thứ ba tên Văn-thù..., thứ tư tên Phổ Hiền ở Đông phương mười hằng sa thế giới vì trần thế giới tên là Bất Thuần, cho đến vị thứ chín tên là A-súc. Như vậy thứ lớp thọ ký cho một ngàn thái tử. Trong đó có nguyện chọn vào đời ngũ trước thì thành Phật, do đại bi nên cõi kia tên Ta-bà. Vì sao vậy? Vì các chúng sinh cõi ấy kham nhẫn chịu ba độc và các phiền não, năng nhẫn nơi cõi ác này nên gọi là Nhẫn độ, trong ngàn người đó chỉ trừ một người, số còn lại đều ở hiền kiếp mà được thành Phật.

